TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 287/2018/QĐST-HNGĐ	*Đông Triều, ngày 05 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 334/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa:

Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn X, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Chu Thanh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn X, xã Y, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Chu Thanh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung:

Các đương sự khẳng định có hai con chung: Chu Nguyên T, sinh ngày 19/01/2010 và Chu Ngọc Hoàng L, sinh ngày 13/10/2014.

Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung: Chu Nguyên T, sinh ngày 19/01/2010 và Chu Ngọc Hoàng L, sinh ngày 13/10/2014 kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí:

- Chị Trần Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số số 0003416, ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại chị Trần Thị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số số số 0003416, ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án DS Đông Triều;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Yên Thọ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Quốc Nam